

Số: /TB-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc công bố Trung tâm Y tế Kinh Môn đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26/4/2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Trung tâm Y tế Kinh Môn tại Bản Công bố số 19/TB-TTYT ngày 26/02/2026 và đối chiếu với các quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **TRUNG TÂM Y TẾ KINH MÔN**

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

- Số giấy phép hoạt động: 000912/HP-GPHĐ, do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 02/8/2025.

- Địa chỉ: Số 294, đường Trần Hưng Đạo, phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

3. Điện thoại liên hệ: (0220) 3822205.

4. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành: Theo danh mục tại Bản Công bố số 01/BCB-TTYTKM ngày 02/3/2026 của Trung tâm Y tế Kinh Môn, với trình độ đào tạo như sau:

- Đại học Y khoa;
- Đại học Y học cổ truyền;
- Đại học Điều dưỡng;
- Đại học Hộ sinh;
- Cao đẳng Y sỹ đa khoa;

- Cao đẳng Y học cổ truyền;
- Cao đẳng Điều dưỡng;
- Cao đẳng Hộ sinh.

5. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết: Theo danh mục tại Bản Công bố số 01/BCB-TTYTKM ngày 02/3/2026 của Trung tâm Y tế Kinh Môn.

6. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục đảm bảo chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

*(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Trung tâm Y tế Kinh Môn)*

Sở Y tế trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Cục KHCN và ĐT, Bộ Y tế;
- GD và PGD SYT;
- TTYT Kinh Môn;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Cổng TTĐT SYT;
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-03b).

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Minh Quang**

Số: 01/BCB-TTYTKM

Kinh Môn, ngày 2 tháng 3 năm 2026

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành  
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở công bố: **TRUNG TÂM Y TẾ KINH MÔN**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 000912/HP-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 8 năm 2025

Địa chỉ: Số 294, đường Trần Hưng Đạo, phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs.CKI Hoàng Văn Tiến

Điện thoại liên hệ: 0220.3822.205

Email: ttytkinhmon@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Trung tâm Y tế Kinh Môn công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y khoa, Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sỹ (Phụ lục 1).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Cao đẳng.
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng theo chương trình thực hành: (Phụ lục 2).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành theo chương trình thực hành: (Phụ lục 3).

Trung tâm Y tế Kinh Môn cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định././

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- Lưu: VT, ĐD

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**HOÀNG VĂN TIẾN**

**PHỤ LỤC 1**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN**  
**(Tại 1 thời điểm)**

(Kèm theo Bản công bố số: 01 /TTYTKM ngày 2 tháng 3 năm 2026)

**I. ĐÀO TẠO HỆ ĐẠI HỌC**

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y khoa	Hồi sức cấp cứu cơ sở, chống độc, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu, thực hành lâm sàng	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	1	10	5	15	0	10
				Bệnh học Nội khoa; kỹ thuật điều dưỡng	Thực hành khám, chữa bệnh nội khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Nội	1	5	5	15	0	5
				Bệnh học Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em, thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	1	5	5	15	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Sản cơ sở, sản bệnh lý, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh sản khoa, thực hành lâm sàng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1	5	5	15	0	5
				Bệnh học Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em, thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	1	10	5	15	0	10
				Truyền nhiễm	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm, thực hành lâm sàng	Khoa Truyền nhiễm	1	5	5	15	0	5
2	720115	Đại học	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Thực hành khám, chữa bệnh y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	1	10	10	30	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	1	10	5	15	0	10
				Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	2	20	10	30	0	20
				Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nội	2	20	10	30	0	20
				Chăm sóc người bệnh nhi khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nhi khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nhi	1	10	5	15	0	10

NG  
 Y T  
 H

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Truyền nhiễm	1	10	5	15	0	10
				Chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	1	10	5	15	0	10
4	7720302	Đại học	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ, gia đình	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1	5	5	15	0	5

## II. ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720101	Cao đẳng	Y sỹ đa khoa	Hồi sức cấp cứu cơ sở, chống độc, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu; thực hành lâm sàng	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	1	15	5	15	0	15
				Bệnh học Nội khoa; kỹ thuật điều dưỡng	Thực hành khám, chữa bệnh nội khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Nội	1	5	5	15	0	5
				Bệnh học Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em, thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	1	5	5	15	0	5
				Sản cơ sở, sản bệnh lý, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh sản khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1	5	5	15	0	5
				Bệnh học Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em; thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	1	15	5	15	0	15

PH  
TÂN  
ÔN  
NG

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Truyền nhiễm	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm, thực hành lâm sàng	Khoa Truyền nhiễm	1	5	5	15	0	5
2	6720102	Cao đẳng	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Thực hành khám, chữa bệnh y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	1	15	10	30	0	15
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	1	15	5	15	0	15
				Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	1	15	5	15	0	15
				Chăm sóc người bệnh nhi khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nhi khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nhi	1	15	5	15	0	15

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Truyền nhiễm	1	15	5	15	0	15
				Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nội	1	15	5	15	0	15
				Chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	1	15	5	15	0	15
4	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ, gia đình	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1	5	5	15	0	5

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KINH MÔN, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: 01/TTYTKM ngày 2 tháng 3 năm 2026)

**I. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>1. ĐẠI HỌC Y KHOA</b>											
1	Vũ Thị Bình	BsCKI	Nội khoa	0007237/H D- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	8	Bệnh học Nội khoa; kỹ thuật điều dưỡng	Thực hành khám, chữa bệnh nội khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Nội	5	x
2	Vũ Hồng Thắng	BsCKI	Ngoại khoa	004902/HD -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, sản khoa	20	Bệnh học Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em, thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	5	x
3	Lê Thế Tiến	BsCKI	Hồi sức cấp cứu	004899/HD -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	20	Hồi sức cấp cứu cơ sở, chống độc, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu, thực hành lâm sàng	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	5	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Phạm Thế Ngọc	BsCKII	Nhi	000030/HD-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa.	16	Bệnh học Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em; thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	5	x
5	Trần Xuân Triển	BsCKI	Sản phụ khoa	011458/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa - sản khoa	12	Sản cơ sở, sản bệnh lý, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh sản khoa, thực hành lâm sàng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	x
6	Nguyễn Thị Nga	BsCKI	Nội khoa	004870/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, nhi khoa, đọc điện tâm đồ.	13	Truyền nhiễm	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm, thực hành lâm sàng	Khoa Truyền nhiễm	5	x
<b>2. ĐẠI HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>											
1	Lương Văn Tám	BsCKI	Phục hồi chức năng	001884/HD-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	28	Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Thực hành khám, chữa bệnh y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	10	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>3. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG</b>											
1	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001888/HD-CCHN	Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	15	Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nội	10	x
2	Nguyễn Thị Thanh Hoà	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001882/HD-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.	17	Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nội	10	x
3	Trương Văn Vượng	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001880/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân.	22	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	10	x

THÀNH  
TRU  
KIN  
ĐS

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Nguyễn Văn Hưng	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001808/HD - CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	20	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	10	x
5	Lê Thị Mỹ Hằng	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001864/HD -CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	21	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	5	x
6	Nguyễn Thị Bích	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001898/HD -CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân.	16	Chăm sóc người bệnh nhi khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nhi khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nhi	5	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Mạc Thị Hoa	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng	001802/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc răng miệng.	28	Chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	3	x
8	Đỗ Văn Phong	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001866/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	27	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Truyền nhiễm	5	x
<b>4. ĐẠI HỌC HỘ SINH</b>											
1	Trần Xuân Triển	BsCKI	Sản phụ khoa	011458/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa - sản khoa	12	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ, gia đình	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	x

H  
INC  
YT  
IH  
\*

## II. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>1. CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA</b>											
1	Vũ Thị Bình	BsCKI	Nội khoa	0007237/H D- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	8	Bệnh học Nội khoa; kỹ thuật điều dưỡng	Thực hành khám, chữa bệnh nội khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Nội	5	x
2	Vũ Hồng Thắng	BSCKI	Ngoại khoa	004902/HD -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, sản khoa	20	Bệnh học Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em, thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	5	x
3	Trần Thị Trang	BSCKI	Nội	011449/HD -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội - nhi.	11	Hồi sức cấp cứu cơ sở, chống độc, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu; thực hành lâm sàng	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	5	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Hoàng Thị Ngọc Ánh	BsCKI	Nhi khoa	004901/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, nhi khoa.	14	Bệnh học Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa, cấp cứu các bệnh thường gặp ở trẻ em; thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	5	x
5	Đoàn Thị Thu Giang	BsCKI	Sản phụ khoa	004900/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, sản khoa và siêu âm.	29	Sản cơ sở, sản bệnh lý, thực hành lâm sàng	Thực hành khám, chữa bệnh sản khoa; thực hành lâm sàng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	x
6	Nguyễn Thị Nga	BsCKI	Nội khoa	004870/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, nhi khoa, đọc điện tâm đồ.	13	Truyền nhiễm	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm, thực hành lâm sàng	Khoa Truyền nhiễm	5	x
<b>2. CAO ĐẲNG Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>											
1	Trương Thị Mai	BsCKI	Y học cổ truyền	011509/HD-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.	19	Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Thực hành khám, chữa bệnh y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	10	x

P. T. Ô. N.

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>3. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG</b>											
1	Nguyễn Thị Duyên	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	004882/HD-CCHN	Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	13	Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nội	5	x
2	Phạm Thị Vân	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	001876/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	15	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	5	x
3	Nguyễn Thị Liệu	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng	001869/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	16	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	5	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Nguyễn Thị Huyền Trang	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng	000840/HD-GPHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	14	Chăm sóc người bệnh nhi khoa	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nhi khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Nhi	5	x
5	Vũ Thị Trang	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng	001886/HD-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân	15	Chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	5	x
6	Hoàng Thị Hồng	Cử nhân đại học điều dưỡng	Điều dưỡng	0008068/H D-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cử nhân điều dưỡng theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.	7	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Thực hành các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Truyền nhiễm	5	x

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị/Chuyên khoa	Ngành/chuyên ngành đã đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Chứng chỉ PP dạy – học lâm sàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>4. CAO ĐẲNG HỘ SINH</b>											
1	Đoàn Thị Thu Giang	BsCKI	Sản phụ khoa	004900/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, sản khoa và siêu âm.	29	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ, gia đình	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình; lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	x

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
 (Kèm theo Bản công bố số: **CH/TTTTKM** ngày 2 tháng 5 năm 2026)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	01	
2	Máy tính	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Âm thanh (bộ)	01	
6	Kho thuốc nội trú	03	
7	Kho thuốc ngoại trú	01	
8	Máy tính + phần mềm cấp phát thuốc	01	
9	Bơm tiêm điện	03	
10	Máy điện tim 6 cần	04	
11	Máy điện tim 3 cần	01	
12	Máy monitor	07	
13	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	02	
14	Đèn chiếu vàng da	01	
15	Bộ khám nội soi tai mũi họng + ghế	01	
16	Máy khí dung	08	
17	Máy điện châm	02	
18	Máy kéo giãn cột sống lưng và cổ	01	
19	Máy + bàn kéo giãn cột sống	01	
20	Máy kéo giãn cột sống tự động	01	
21	Máy thở Bilevel CPAP	01	
22	Máy thở không xâm nhập	01	
23	Máy nội soi dạ dày	01	
24	Máy rửa ống mềm nội soi	01	
25	Máy nội soi cổ tử cung	01	

26	Nồi hấp ướt	01	
27	Máy sốc tim	01	
28	Máy đốt điệן cồ từ cung bằng sống cao tần	01	
29	Máy vật lý trị liệu đa chức năng Doctorhome	02	
30	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí	02	